

Đ, Ngày 30 tháng 8 năm 2018

Số:62/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:
Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
Bị đơn anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Chị H và anh H tự thoả thuận phân chia thửa đất số 09, tờ bản đồ số 21, diện tích 17.164m² địa chỉ thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, tài sản trên thửa đất này có 1000 cây cao su, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 676050, cấp ngày 23/8/2001 trị giá 400.000.000đ cho mỗi người nhận ½ theo mốc giới mà anh H đã tự phân chia từ tháng 4/2017 đến nay, không yêu cầu Toà án phải đến đo đạc cắm mốc giới.

-Chị H và anh H thoả thuận giao cho chị H sở hữu, sử dụng thửa đất số 31, tờ bản đồ số 217, diện tích 338,9m² địa chỉ thôn Ia M, xã Ia N (đất thuộc xã Ia N, huyện Đ quản lý còn hộ khẩu do xã Ia D, huyện Đ quản lý), huyện Đ, tỉnh Gia Lai, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 695029, cấp ngày 31/12/2015 và Tài sản trên đất có căn nhà xây cấp 4 diện tích 135m² xây từ năm 2010 trị giá 400.000.000đ.

-Chị H và anh H thoả thuận giao cho chị H sở hữu, sử dụng 01 bộ bàn ghế gỗ Á – Âu giá 40.000.000đ.

-Chị H và anh H thoả thuận chị H phải thanh toán cho anh H 220.000.000đ là $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 31, tờ bản đồ số 217, diện tích 338,9m² và căn nhà trên thửa đất cùng với giá trị bộ bàn ghế Á – Âu.

3.Về án phí:Tổng giá trị tài sản chung chị H và anh H yêu cầu phân chia là: 840.000.000đ. Nhưng chị H và anh H thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên chỉ phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 18.600.000đ. Chị H và anh H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí để sung công quỹ Nhà Nước cụ thể là: 18.600.000đ : 2 = 9.300.000đ. Riêng đối với phần án phí của chị H phải chịu được khấu trừ 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0006677 ngày 28/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị H còn phải nộp tiếp là 1.800.000đ để sung công quỹ nhà nước.

4.Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

5.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS cùng cấp
- TA tỉnh
- THADS
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN VĂN THANH